

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/10/2024 ĐẾN NGÀY 31/12/2024

M C T

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng Quý 4 - 2024 của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Việt Hoàng	Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Bùi Hương Liên	Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm từ ngày 04/05/2024)
Ông Phan Quốc Duy	Thành viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm từ ngày 04/05/2024)

Ủy Ban kiểm toán

Ông Nguyễn Việt Hoàng	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán
Bà Bùi Hương Liên	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 04/05/2024)
Ông Phan Quốc Duy	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 04/05/2024)

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Thu Hưng	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Kế toán trưởng
Người công bố thông tin:	
Bà Nguyễn Thị Phương	Trưởng Bộ phận Nội chính

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính Quý 4 - 2024 này.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính Quý 4 - 2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh Quý 4 - 2024 và tình hình lưu chuyển tiền tệ Quý 4 - 2024 của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính Quý 4 - 2024 này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THỦ Y TRUNG ƯƠNG I
Số 88 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trong yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính Quý 4 - 2024 hay không;
- Lập Báo cáo tài chính Quý 4 - 2024 trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính Quý 4 - 2024 hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

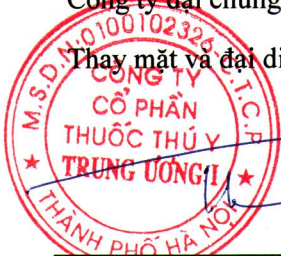
Ban Lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính Quý 4 - 2024 tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ngoài ra, Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Lãnh đạo cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo,



Nguyễn Anh Tuấn

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 25 tháng 1 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

NGÀY: 31-12-2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		32.447.634.183	29.281.935.529
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	52.360.005	155.243.289
Tiền	111		52.360.005	155.243.289
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.063.027.523	28.956.677.412
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.549.392.870	1.531.982.750
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	679.354.252	679.354.252
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	35.533.732.395	32.444.792.404
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(5.699.451.994)	(5.699.451.994)
Hàng tồn kho	140		9.116.662	37.458.334
Hàng tồn kho	141		9.116.662	37.458.334
Tài sản ngắn hạn khác	150		323.129.993	132.556.494
Thuế GTGT được khấu trừ	152		132.556.494	132.556.494
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	190.573.499	
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		83.476.190.639	83.793.129.271
Các khoản phải thu dài hạn	210		9.621.948.409	9.621.948.409
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	9.621.948.409	9.621.948.409
Tài sản cố định	220		3.854.242.230	4.171.180.862
Tài sản cố định hữu hình	221	10	3.854.242.230	4.171.180.862
- Nguyên giá	222		14.659.297.155	14.659.297.155
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.805.054.925)	(10.488.116.293)
Tài sản cố định vô hình	227	11	-	-
- Nguyên giá	228		59.500.000	59.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(59.500.000)	(59.500.000)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	70.000.000.000	70.000.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		70.000.000.000	70.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		866.640.000	866.640.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(866.640.000)	(866.640.000)
TỔNG TÀI SẢN	270		115.923.824.822	113.075.064.800

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

NGÀY: 31-12-2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		18.139.901.744	18.512.884.493
Nợ ngắn hạn	310		17.600.901.744	18.493.884.493
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	10.252.860.217	10.826.742.755
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	23.055.159
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	369.177.667	462.691.236
Phải trả người lao động	314		1.176.228.018	1.174.308.018
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	1.733.276.452	1.799.511.935
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	4.018.824.791	4.157.040.791
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		50.534.599	50.534.599
Nợ dài hạn	330		539.000.000	19.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	15	539.000.000	19.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		97.783.923.078	94.562.180.307
Vốn chủ sở hữu	410	16	97.783.923.078	94.562.180.307
Vốn góp của chủ sở hữu	411		162.499.690.000	162.499.690.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		162.499.690.000	162.499.690.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		278.962.752	278.962.752
Cổ phiếu quỹ	415		(130.000)	(130.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		304.406.186	304.406.186
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(65.299.005.860)	(68.520.748.631)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(68.520.748.631)	(71.652.033.319)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.221.742.771	3.131.284.688
TỔNG NGUỒN VỐN	440		115.923.824.822	113.075.064.800

Hà Nội, ngày 25 tháng 1 năm 2025

NGƯỜI LẬP SỔ
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Phương

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Thu Hà

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Quý 4-2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số lũy kế từ 01/10/2024 đến 31/12/2024 VND	Số lũy kế từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 VND	Số lũy kế từ 01/01/2024 đến 31/12/2024 VND	Số lũy kế từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	1.113.400.021	1.130.814.632	2.840.100.887	4.546.744.674
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.113.400.021	1.130.814.632	2.840.100.887	4.546.744.674
Giá vốn hàng bán	11	19	42.799.725	43.250.922	137.083.210	174.644.313
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.070.600.296	1.087.563.710	2.703.017.677	4.372.100.361
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	881.801.345	1.061.768.380	3.189.011.691	1.557.866.152
Chi phí tài chính	22	21	6.092.726	52.345.636	87.706.787	64.770.636
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-	-	-
Chi phí bán hàng	25	22	-	7.857.144	15.714.243	75.624.040
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	414.958.558	351.980.492	2.483.934.234	2.042.345.754
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.531.350.357	1.737.148.818	3.304.674.104	3.747.226.083
Thu nhập khác	31		45.455.159	-	45.455.159	-
Chi phí khác	32	23	21.000.000	21.000.000	85.388.638	119.146.721
Lợi nhuận khác	40		24.455.159	(21.000.000)	(39.933.479)	(119.146.721)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.555.805.516	1.716.148.818	3.264.740.625	3.628.079.362
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	42.997.854	141.419.403	42.997.854	446.794.674
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.512.807.662	1.574.729.415	3.221.742.771	3.181.284.688
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-	-	-

Hà Nội, ngày 25 tháng 1 năm 2025

NGƯỜI LẬP SỔ
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Phượng

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Thu Hà

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)

TỪ NGÀY: 01-01-2024 ĐẾN NGÀY: 31-12-2024

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.264.740.625	3.628.079.362
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	316.938.632	378.489.121
- Các khoản dự phòng	03		-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	87.706.787	52.345.636
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.189.011.691)	(1.557.866.152)
- Chi phí lãi vay	06		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	480.374.353	2.501.047.967
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(107.983.619)	1.383.171.939
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	28.341.672	(37.458.334)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(354.530.455)	(3.434.698.620)
- Tiền lãi vay đã trả	14		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(149.794.674)	(297.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	20	(103.592.723)	115.062.952

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
		VND	VND
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(20.000.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	71.700	929.804
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	30	71.700	(19.999.070.196)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		20.000.000.000
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	40		20.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuận trong kỳ	50	(103.521.023)	115.992.756
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	155.243.289	38.870.657
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	637.739	379.876
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	52.360.005	155.243.289

Hà Nội, ngày 25 tháng 1 năm 2025

NGƯỜI LẬP SỔ
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Phương

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Thu Hà

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Anh Tuấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100102326 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 07/06/2000. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, vốn điều lệ, trụ sở chính của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất đến lần thứ 15 ngày 15/12/2023.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần của Công ty đến ngày 30/06/2024 là 162.499.690.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai tỷ, bốn trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Số 88 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 04 người (tại ngày 01/01/2024 là 04 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024, hoạt động chính của Công ty là cho thuê địa điểm kinh doanh.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty TNHH Thuốc Thú y TW 1 có trụ sở chính tại xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là sản xuất kinh doanh thuốc thú y, phân phối vắc xin.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty con là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc tại thành phố Hồ Chí Minh.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng Quý 4 và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý 4-2023, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng Quý 4 - 2023 và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng năm 2023 của Công ty cho kỳ hoạt động 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính riêng Quý 4 – 2024 kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính riêng Quý 4 – 2024 này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 10 năm 2024 đến ngày 30 tháng 12 năm 2024.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính riêng Quý 4 - 2024 của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VNĐ

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng Quý 4 - 2024 này:

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 4 - 2024

Báo cáo tài chính riêng quý 4 được lập là báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ. Công ty lập báo cáo tài chính riêng quý 3 này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất quý 4-2024 của Công ty và công ty con (như chi tiết trình bày tại thuyết minh số 5) cho kỳ hoạt động 03 tháng kết thúc ngày 31/12/2024 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất..

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

3.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính riêng trong kỳ này.

3.3 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính quý 4-2024 tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính trong kỳ nay cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.4 NGOẠI TỆ

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính trong kỳ này là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính trong kỳ này.

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính trong kỳ.

3.5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

3.6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- (i) Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- (ii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- (iii) Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- (iv) Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong kỳ là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.7 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;

Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 35
- Máy móc, thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 12
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	- 15

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán trong kỳ này theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán được khấu hao trong 3 năm.

3.10 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

3.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm chi phí bán hàng phải trả cán bộ công nhân viên và các khoản trích trước khác là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ,

3.12 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

3.13 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cho thuê địa điểm kinh doanh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành

Tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính trong kỳ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính trong kỳ đó;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

3.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT): Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác: Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.15 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3.16 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Công ty chỉ tổ chức sản xuất kinh doanh tại một địa điểm cụ thể và cung cấp một loại dịch vụ, sản phẩm nên Công ty không thực hiện lập Báo cáo bộ phận.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền mặt tại quỹ	22.095.992	79.650.418
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	30.264.013	75.592.871
Các khoản tương đương tiền		
Cộng	52.360.005	155.243.289

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ bao gồm:

	31/12/2024	01/01/2024
- Văn phòng Công ty	21.332.217	78.886.643
- Chi nhánh CTCP Thuốc Thú y TW I tại Hồ Chí Minh	763.775	763.775
Cộng	22.095.992	79.650.418

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại bao gồm:

	31/12/2024	01/01/2024
- Văn phòng Công ty	26.123.784	70.087.239
- Chi nhánh CTCP Thuốc Thú y TW I tại Hồ Chí Minh	4.140.229	5.505.632
Cộng	30.264.013	75.592.871

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

5.1. Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
Công ty TNHH Thuốc Thú Y TW 1	70.000.000.000	70.000.000.000	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	866.640.000	(866.640.000)	866.640.000	(866.640.000)
Công ty CP Giống gia cầm Lương Mỹ	866.640.000	(866.640.000)	866.640.000	(866.640.000)
Cộng	70.866.640.000	(866.640.000)	70.866.640.000	70.000.000.000

Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty con

Hoạt động chính của Công ty TNHH Thuốc Thú y Trung ương I trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 là sản xuất, kinh doanh thuốc thú y.

(*) Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng Quý 4 - 2024 bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I	1.075.868.390	(1.040.177.670)	1.058.458.270	(1.040.177.670)
Công ty CP giống vật nuôi & cây trồng Đồng Giao	79.818.093	(79.818.093)	79.818.093	(79.818.093)
Các đối tượng khác	996.050.297	(960.359.577)	978.640.177	(960.359.577)
Chi nhánh CTCP Thuốc Thú y TWI tại Hồ Chí Minh	473.524.480	(473.524.480)	473.524.480	(473.524.480)
- Lê Thị Hương	40.525.540	(40.525.540)	40.525.540	(40.525.540)
- Lê Đức Hùng	65.716.994	(65.716.994)	65.716.994	(65.716.994)
Các đối tượng khác	367.281.946	(367.281.946)	367.281.946	(367.281.946)
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	9.621.948.409		9.621.948.409	
Công ty TNHH Thuốc Thú Y TW 1	9.621.948.409		9.621.948.409	
Cộng	11.171.341.279	(1.513.702.150)	11.153.931.159	(1.513.702.150)

c) Phải thu khách hàng là bên liên quan: Chi tiết tại thuyết minh số 26.1.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn				
- Công ty CP Công nghệ Hoàng Hải	549.354.252	(549.354.252)	549.354.252	(549.354.252)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Ao Sen	130.000.000	(130.000.000)	130.000.000	(130.000.000)
Các đối tượng khác				
b) Trả trước cho người bán dài hạn				
Cộng	679.354.252	(679.354.252)	679.354.252	(679.354.252)

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu khác ngắn hạn	35.533.732.395	(3.506.395.592)	32.444.792.404	(3.506.395.592)
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I	34.719.022.921	(2.691.686.118)	31.630.082.930	(2.691.686.118)
- Công ty TNHH Thuốc Thú y TW 1	31.389.957.095		28.301.017.104	
- Zhaoqing Dahuanong Biology Medicine co,LTD				
- Lê Hữu Tuấn	637.379.708	-	637.379.708	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Nguyễn Huy Đức	629.034.000	(629.034.000)	629.034.000	(629.034.000)
- Đỗ Hoàng Hòa	912.020.000	(912.020.000)	912.020.000	(912.020.000)
- Phải thu khác	1.150.632.118	(1.150.632.118)	1.150.632.118	(1.150.632.118)
CN CTCP Thuốc Thú y TWI tại Hồ Chí Minh	814.709.474	(814.709.474)	814.709.474	(814.709.474)
- Lê Đức Hùng	472.000.000	(472.000.000)	472.000.000	(472.000.000)
- Tạm ứng	-	-	-	-
- Phải thu khác	342.709.474	(342.709.474)	342.709.474	(342.709.474)
b) Phải thu khác dài hạn				
Cộng	35.533.732.395	(3.506.395.592)	32.444.792.404	(3.506.395.592)

c) Phải thu khác là bên liên quan: Chi tiết tại thuyết minh số 26.1.

9. NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I	5.699.451.994	-	5.699.451.994	-
Phải thu khách hàng	1.513.702.150	-	1.513.702.150	-
+ Đại lý Trần Văn Điệp	65.276.477	-	65.276.477	-
+ Đại lý Nguyễn Văn Thiên	29.920.213	-	29.920.213	-
+ Các đối tượng khác	1.418.505.460	-	1.418.505.460	-
Trả trước cho người bán	679.354.252	-	679.354.252	-
+ Công ty CP Công Nghệ Hoàng Hải	549.354.252	-	549.354.252	-
+ Công ty CP ĐT XD&TM Ao Sen	130.000.000	-	130.000.000	-
Phải thu khác	3.506.395.592	-	3.181.702.952	-
+ Nguyễn Huy Đức	629.034.000	-	629.034.000	-
+ Đỗ Hoàng Hòa	912.020.000	-	912.020.000	-
+ My Duy Thắng	320.664.196	-	320.664.196	-
+ Đặng Văn Dũng	284.486.568	-	284.486.568	-
+ Các đối tượng khác	1.360.190.828	-	1.035.498.188	-
Tạm ứng	-	-	324.692.640	-
+ Các đối tượng khác	-	-	324.692.640	-
Cộng	5.699.451.994	-	5.699.451.994	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, trang thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị dụng cụ quản lý		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ										
01/01/2024	8.862.709.301	2.659.690.690	2.263.650.080	873.247.084					14.659.297.155	
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
31/12/2024	8.862.709.301	2.659.690.690	2.263.650.080	873.247.084					14.659.297.155	
GIÁ TRỊ HẠO MÒN LŨY KẾ										
01/01/2024	4.791.217.855	2.643.976.447	2.263.650.080	789.271.911					10.488.116.293	
Khấu hao trong kỳ	284.429.345	15.714.243	-	16.795.044					316.938.632	
Giảm khác										
31/12/2024	5.075.647.200	2.659.690.690	2.263.650.080	806.066.955					10.805.054.925	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI										
01/01/2024	4.071.491.446	15.714.243	-	83.975.173					4.171.180.862	
31/12/2024	3.787.062.101	-	-	67.180.129					3.854.242.230	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm kế toán VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2024	59.500.000	59.500.000
Mua trong năm	-	-
Giảm khác	-	-
Tại ngày 31/12/2023	59.500.000	59.500.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
01/01/2024	59.500.000	59.500.000
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm khác	-	-
Tại ngày 31/12/2024	59.500.000	59.500.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2024	-	-
31/12/2024	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 59.500.000 đồng (tại ngày 30/09/2024 là 59.500.000 đồng)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty CP Thuốc Thú y Trung ương I	7.753.536.674	8.305.019.212
- Công ty TNHH công trình thiết kế Nam Ninh	1.995.836.391	1.907.491.865
- Công ty CP Thành Nhơn	-	619.827.064
- Công ty CP sản xuất & TM Thái Sơn	1.994.287.641	2.014.287.641
- Các đối tượng khác	3.763.412.642	3.763.412.642
CN Công ty CP Thuốc Thú y Trung ương I tại TP HCM	2.499.323.543	2.521.723.543
Công ty TNHH Thuốc Thú Y TW 1	2.499.323.543	2.499.323.543
- Các đối tượng khác	-	22.400.000
b) Phải trả dài hạn		
Cộng	10.252.860.217	10.826.742.755

c) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 26.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	230.012.389	284.010.085	279.126.834	234.895.640
Thuế thu nhập doanh nghiệp	149.794.674	42.997.854	149.794.674	42.997.854
Thuế thu nhập cá nhân	1.761.875	41.984.750	33.584.750	10.161.875
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	454.547.754	645.121.253	(190.573.499)
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	81.122.298	1.388.638	1.388.638	81.122.298
Cộng	462.691.236	828.929.081	1.113.016.149	178.604.168

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí phải trả CBCNV	1.666.404.500	1.750.406.500
- Chi phí trích trước	66.871.952	49.105.435
Cộng	1.733.276.452	1.799.511.935

15. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2024	01-01-24
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác	4.018.824.791	4.157.040.791
- Kinh phí công đoàn	36.220.883	39.436.883
- Bảo hiểm xã hội	-	-
- Bảo hiểm y tế	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.982.603.908	4.117.603.908
Công ty CP Thuốc Thú y Trung ương I	3.221.918.648	3.356.918.648
+ Tiền khấu trừ thuế TNCN	390.212.000	390.212.000
+ Ông Nguyễn Anh Tuấn (*)	300.000.000	400.000.000
+ Ông Lê Anh Tuấn	136.723.837	136.723.837
+ Các đối tượng khác	2.394.982.811	2.429.982.811
CN CTCP Thuốc Thú y TW I tại TP HCM	760.685.260	760.685.260
+ Các đối tượng khác	760.685.260	760.685.260
b) Phải trả dài hạn khác	539.000.000	19.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	539.000.000	19.000.000
Công ty cổ phần SUNSHINE VIỆT NAM	19.000.000	19.000.000
CÔNG TY TNHH SPX EXPRESS	420.000.000	
Nguyễn Duy Hiếu	100.000.000	
Cộng	4.557.824.791	4.176.040.791

c) Phải trả khác là bên liên quan: Chi tiết tại thuyết minh số 26.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ		Thặng dư vốn cp		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	142.499.690.000	278.962.752	(130.000)	-	304.406.186	-	(71.652.033.319)	71.430.895.619	20.000.000.000	3.181.284.688	3.181.284.688	20.000.000.000	3.181.284.688
*Tăng vốn trong năm trước	20.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối Lợi Nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
**Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
31/12/2023	162.499.690.000	278.962.752	(130.000)	-	304.406.186	-	(68.520.748.631)	94.562.180.307	304.406.186	(68.520.748.631)	3.221.742.771	3.221.742.771	3.221.742.771
01/01/2024	162.499.690.000	278.962.752	(130.000)	-	304.406.186	-	(68.520.748.631)	94.562.180.307	304.406.186	(68.520.748.631)	3.221.742.771	3.221.742.771	3.221.742.771
Tăng vốn trong kỳ này(*)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ (*)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
31/12/2024	162.499.690.000	278.962.752	(130.000)	-	304.406.186	-	(65.299.005.860)	97.783.923.078	304.406.186	(65.299.005.860)	97.783.923.078	97.783.923.078	97.783.923.078

(*) Công ty thực hiện tăng vốn do chào bán 2.000.000 cổ phiếu riêng lẻ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 41-2022/NQ-ĐHCD ngày 22/10/2022.

(**) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo quyết định số 04/2024/QĐ-CTHĐQT ngày 06/03/2024 của Hội đồng quản trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

16.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2024	01/01/2024
	Tổng số	Tổng số
Bà Nguyễn Thị Hương	6.702.490.000	6.702.490.000
Lê chí Cường	10.000.000.000	10.000.000.000
Chu Văn Chung	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty TNHH MTV quản lý quỹ ngân hàng TMCPCT Việt Nam	40.000.000.000	40.000.000.000
Các cổ đông khác	85.797.070.000	85.797.070.000
Cổ phiếu quỹ	130.000	130.000
Cộng	162.499.690.000	162.499.690.000

16.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	162.499.690.000	142.499.690.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	20.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ		-
+ Vốn góp cuối năm	162.499.690.000	162.499.690.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.249.969	16.249.969
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.249.969	16.249.969
+ Cổ phiếu phổ thông	16.249.969	16.249.969
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	13	13
+ Cổ phiếu phổ thông	13	13
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.249.956	16.249.956
+ Cổ phiếu phổ thông	16.249.956	16.249.956
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND	10.000	10.000
Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm:		

16.5 CÁC QUỸ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	304.406.186	304.406.186

Mục đích trích lập các quỹ:

Quỹ đầu tư phát triển được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc.

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:	31/12/2024	01/01/2024
Dollar Mỹ (USD)	540,47	553,67

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ tài chính từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024	Kỳ tài chính từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.113.400.021	1.130.814.632
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ, bán hàng hóa và thành phẩm	1.113.400.021	1.130.814.632

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ tài chính từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024	Kỳ tài chính từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023
Giá vốn của hàng hoá và thành phẩm đã bán		
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	42.799.725	43.250.922
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Cộng	42.499.725	43.250.922

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	31/12/2024	01/01/2024
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.936	32.940
Cổ tức lợi nhuận được chia	881.785.409	1.061.735.440
Cộng	881.801.345	1.061.768.380

21. CHI PHÍ KHÁC

	31/12/2024	01/01/24
Lãi tiền vay		
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	6.092.726	52.345.636
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	-
Chi phí TC khác	-	-
Cộng	6.092.726	52.345.636

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ tài chính từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024	Kỳ tài chính từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	414.958.558	351.980.492
- Chi phí cho nhân viên	168.363.000	161.403.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	7.085.418	8.612.499
- Chi phí khấu hao TSCĐ	32.506.322	32.055.192
- Thuế, phí và lệ phí	(31.762.992)	10.576.258
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.243.032	44.589.241
- Chi phí bằng tiền khác	171.523.778	94.744.302
b) Các khoản chi phí bán hàng	-	7.857.144
- Chi phí khấu hao TSCĐ	-	7.857.144
Cộng	414.958.558	359.837.636

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ tài chính từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024 VND	Kỳ tài chính từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023 VND
Chi phí khác	21.000.000	21.000.000
- Chi phí phạt chậm nộp	-	32.063.510
- thù lao HĐQT	21.000.000	(11.063.510)
- Các khoản khác	-	-
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	21.000.000	21.000.000

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ tài chính từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024 VND	Kỳ tài chính từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.085.418	8.612.499
Chi phí nhân công	168.363.000	161.403.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	75.306.047	83.163.258
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.243.032	44.589.241
Chi phí khác bằng tiền	139.760.786	105.320.560
Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Cộng	457.758.283	403.088.558

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ tài chính từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024 VND	Kỳ tài chính từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023 VND
Tổng lợi nhuận trước thuế	1.555.805.516	1.716.148.818
Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	56.000.000	53.063.510
Các khoản phạt	-	-
Thu lao HĐQT	21.000.000	21.000.000
Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	35.000.000	32.063.510
Thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	881.785.409	1.052.115.316
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		379.876

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	Kỳ tài chính từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024 VND	Kỳ tài chính từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023 VND
Lợi nhuận từ công ty con chuyển về	881.785.409	1.061.735.440
Chuyển lỗ các Quý trước, năm trước	(515.030.835)	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	214.989.272	707.097.012
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	0,20	0,20
Thuế thu nhập doanh nghiệp phi trả ước tính	42.997.854	141.419.402
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	42.997.854	141.419.402
Chuyển lỗ các Quý trước, năm trước	-	-

26. THÔNG TIN KHÁC

26.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Thuốc Thú y TW1	Công ty con
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong kỳ

	Kỳ tài chính từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024 VND	Kỳ tài chính từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023 VND
Tiền lương và phụ cấp		-
Tiền thù lao	21.000.000	21.000.000
Cộng	21.000.000	21.000.000

Họ và tên	Chức danh	Kỳ tài chính từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024 VND	Kỳ tài chính từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023 VND
Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	9.000.000	9.000.000
Nguyễn Việt Hoàng	Ủy Viên HĐQT	6.000.000	6.000.000
Bùi Hương Liên	Ủy Viên HĐQT	-	6.000.000
Phan Quốc Duy	Ủy Viên HĐQT	6.000.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên có liên quan	Tính chất giao dịch	Kỳ tài chính từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024	Kỳ tài chính từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023
Giao dịch khác			
Công ty TNHH Thuốc Thú y TW1		-	-
	+ Mượn tiền, trả tiền		-
	+ chuyển lãi về công ty mẹ	881.785.409	1.061.735.440
	+ Bổ sung vốn điều lệ	-	-
	+ trả tiền vay	-	-

Số dư các bên liên quan

	31/12/2024	01/01/2024
Phải thu khách hàng	9.621.948.409	9.621.948.409
Công ty TNHH Thuốc thú y TW1	9.621.948.409	9.621.948.409
Phải thu khác	31.389.957.095	28.301.017.104
Công ty TNHH Thuốc thú y TW1	31.389.957.095	28.301.017.104
Phải trả người bán	2.499.323.543	2.499.323.543
Công ty TNHH Thuốc thú y TW1	2.499.323.543	2.499.323.543
Phải trả khác	300.000.000	400.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	300.000.000	400.000.000

26.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trích từ Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY.

Hà Nội, ngày 25 tháng 1 năm 2025

NGƯỜI LẬP SỔ
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Phụng

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Thu Hà

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Anh Tuấn